

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:136 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2019

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- THH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Anh Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2019/HNGĐ – TLST ngày 15 tháng 02 năm 2019, về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2019/QĐ - ST ngày 14/10/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh ngày 11/11/1989.

Địa chỉ: Đường Đỗ Chu B, khu Nhân Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 22/02/1978.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã H, huyện G, Hải Dương (vắng mặt).

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1950.

3.2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954 .

Đều trú tại : thôn M, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị và anh H tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã H ngày 09/9/2008. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khi sinh con thứ nhất thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H và gia đình chồng coi

thường chị và gia đình chị. Chị nghĩ về con nên đã chịu đựng và sinh cháu thứ hai. Đến tháng 6/2013 anh H sang Đài Loan lao động, tháng 8/2013 khi đó con thứ 2 được 8 tháng, ba mẹ con chị sang bên gia đình ngoại ở. Tháng 02/2014 chị sang Đài Loan lao động, các con gửi ông bà ngoại chăm sóc. Khi sang Đài Loan vợ chồng có gặp nhau nhưng không chung sống cùng nhau, chị và anh H thống nhất sống ly thân, không can thiệp vào cuộc sống riêng của nhau. Đầu năm 2016 anh H về Việt Nam, đã sống chung với người phụ nữ khác, còn chị bên Đài Loan cũng sống chung với người đàn ông khác. Cả hai gia đình đều biết mâu thuẫn của vợ chồng chị. Tháng 7/2017 chị về Việt Nam, tháng 8/2017 cả hai đã nộp đơn tại TAND huyện G, trong thời gian đợi tòa án thụ lý vụ án, anh H đã giấu chị rút lại đơn ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung : Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Gia A, sinh ngày 02/8/2011 và cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 10/02/2013. Hiện nay hai cháu đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Trong quá trình giải quyết vụ án chị O không cung cấp được địa chỉ của anh H, vì giữa hai bên đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án về gia đình gặp bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tiến L là bố mẹ đẻ của anh H và yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh H ở Đài Loan, nhưng ông bà không cung cấp được địa chỉ của anh H. Ông L, bà B xác định anh H thường xuyên liên lạc về gia đình, vợ chồng anh H sống không hạnh phúc vì chị O không chung thủy, sống chung với người đàn ông khác, ngăn cản việc anh H và ông bà gặp các con, các cháu. Quan điểm của gia đình xác định anh H chị O không thể chung sống cùng nhau. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình, gia đình đã thông báo cho anh H biết việc chị O có đơn ly hôn. Anh H tuy không có quan điểm gửi về Tòa án, nhưng xác định tình cảm chị O không còn, do anh đang ở Đài Loan nên đề nghị đợi anh về để trực tiếp ly hôn với chị O.

Sau khi Tòa án ra Quyết định xét xử, bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị chị O, anh H phải trả bà 300.000.000đ là tiền bà lo cho vợ chồng đi nước ngoài. Kèm theo đơn yêu cầu bà B có xuất trình một số tài liệu chứng minh việc vợ chồng bà vay nợ cho chị O, anh H.

Tại phiên tòa : Chị O vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H, về con chung chị có nguyện vọng được nuôi hai con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung : Vợ chồng chị không có, không đề

ngợi Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị được thông báo yêu cầu đòi nợ của ông L, bà B đòi chị số tiền 150.000.000đ là tiền ông bà lo cho chị đi nước ngoài, chị không nhất trí, vì giữa chị và gia đình chồng không có nợ lẫn. Tại phiên tòa ông L, bà B không đề nghị giải quyết số tiền nợ 150.000.000đ, số tiền này ông bà để cho chị O nuôi con. Chị O nhất trí quan điểm không yêu cầu đòi nợ của ông L, bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp Hh đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp Hh quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị O, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị O được ly hôn anh H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia A, sinh ngày 02/8/2011 và cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 10/02/2013 cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa ông L, bà B không yêu cầu chị O, anh H trả nợ 300.000.000đ nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xem xét ý kiến của đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị O không cung cấp được địa chỉ của anh H đang lao động tại Đài Loan. Theo hướng dẫn công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án 2 lần yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh H, nhưng gia đình không cung cấp được. Tuy nhiên, gia đình xác định có liên lạc và thông báo cho anh H biết việc chị O xin ly hôn, anh H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không có khả năng sống cùng nhau, nhưng không gửi quan điểm về Tòa án và có ý kiến phải đợi anh về Việt Nam để trực tiếp giải quyết ly hôn với chị O. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên áp dụng công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến Hh xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/9/2008 tại UBND xã H, huyện G. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, do kinh tế khó khăn tháng 6/2013 anh H sang Đài Loan lao động, tháng 2/2014 chị O sang Đài Loan lao động nhưng hai vợ chồng không chung sống cùng nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng và chung sống với người khác. Năm 2017 anh H, chị

O đã có đơn ly hôn đến TAND huyện G để giải quyết, tuy nhiên sau đó anh H đã rút đơn ly hôn. Nay cả hai xác định tình cảm không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nhưng anh H và gia đình anh H có quan điểm đợi anh H về để trực tiếp giải quyết ly hôn là không cần thiết. Vì thực tế anh H chị O ly thân đã lâu, mâu thuẫn giữa anh H và chị O đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Mạnh H có 02 con chung là Nguyễn Gia A, sinh ngày 02/8/2011 và cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 10/02/2013. Hiện các cháu đang ở với mẹ, ly hôn chị O có nguyện vọng được nuôi hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con và các cháu đều có đơn xin ở với mẹ. Xét thấy, cháu Bảo và cháu Khánh đang ở với mẹ và được học tập tại trường tiểu học thị trấn N, các cháu phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Hiện tại anh H không có mặt tại Việt Nam. Để ổn định việc học tập, chỗ ở và nguyện vọng của các cháu, nên cần tiếp tục giao cháu A và cháu K cho chị O nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị O xác định vợ chồng không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Ngày 7/5/2019 và ngày 31/5/2019 Tòa án lấy lời khai của ông Nguyễn Tiến L và bà Nguyễn Thị B là bố mẹ đẻ anh H để làm rõ địa chỉ và quan điểm của anh H. Tuy nhiên, bà B ông L không đưa ra yêu cầu anh H, chị O mỗi người phải trả ông bà 150.000.000đ mà chỉ đề nghị đợi anh H về Việt Nam trực tiếp giải quyết ly hôn với chị O. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án xét xử bà B mới đề nghị chị O và anh H mỗi người trả vợ chồng bà 150.000.000đ là tiền cho vay để đi nước ngoài. Nếu Tòa án xác định bà B ông L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án này, thì ông L bà B phải có yêu cầu trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2019 ông L bà B thừa nhận đã được Tòa án giải thích về nợ chung của vợ chồng anh H, chị O. Tuy nhiên thời điểm đó ông bà chưa tìm được căn cứ chứng minh khoản nợ của anh H chị O. Sau khi nhận được Quyết định xét xử ông bà mới tìm được căn cứ và có ý kiến. Tại phiên tòa ngày 17/7/2019, bà B giữ nguyên yêu cầu chị O, anh H trả nợ ông bà mỗi người 150.000.000đ. Tòa án tạm ngừng phiên tòa để bà B, ông L xuất trình địa chỉ của anh H và tài liệu chứng minh khoản nợ. Tuy nhiên bà B, ông L không xuất trình thêm được tài liệu cũng như địa chỉ của anh H ở Đài Loan. Do yêu cầu đòi nợ của ông bà có sau thời điểm Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, đồng

thời tại phiên tòa ông L, bà B không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu đòi nợ chị O, anh H. Nên Tòa án không xem xét giải quyết đối với nội dung này.

[3]. Về án phí: Chị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 của Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia A, sinh ngày 02/8/2011 và cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 10/02/2013 cho chị Nguyễn Thị O nuôi dưỡng từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006048 ngày 15 tháng 02 năm 2019 tại chi Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị O đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh Nguyễn Mạnh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lại Anh Vân